

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam đi ngang, giảm nhẹ trong phiên hôm nay trong bối cảnh nhà đầu tư đánh giá tác động của vaccine đến kinh tế Việt Nam là không quá lớn

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm nhẹ khi NĐT chốt lời mạnh mẽ vào cuối phiên bất chấp diễn biến tích cực của TTCK toàn cầu

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

HVN, POW

[Vĩ mô/Chiến lược]

Thị trường trái phiếu tháng 10

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị áp dụng chiến lược mua trading T+ khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ gần đã đề cập

10/11/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	951.90	-0.01
VN30	916.50	-0.10
HĐTL VN30F1M	921.00	-0.22
HNXIndex	141.37	-0.17
HNX30	259.23	+0.20
UPCoM	64.16	+0.22
USD/VND	23,175	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.59	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.16	+6
Dầu (WTI, \$)	40.70	+1.02
Vàng (LME, \$)	1,887.59	+1.32



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 951.90 (-0.01%)
KLGD (triệu CP) 422.8 (+23.6%)
GTGD (triệu US\$) 412.7 (+21.3%)

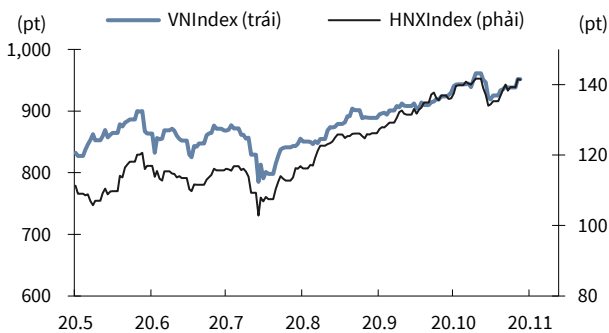
HNXIndex 141.37 (-0.17%)
KLGD (triệu CP) 69.4 (+29.2%)
GTGD (triệu US\$) 38.7 (+36.4%)

UPCoM 64.16 (+0.22%)
KLGD (triệu CP) 14.9 (-0.2%)
GTGD (triệu US\$) 10.1 (-0.5%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -32.2

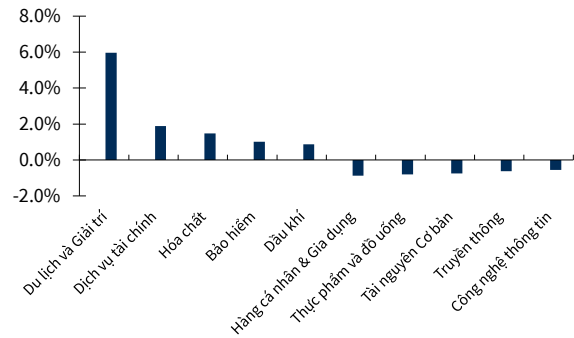
TTCK Việt Nam đi ngang, giảm nhẹ trong phiên hôm nay trong bối cảnh nhà đầu tư đánh giá tác động của vaccine đến kinh tế Việt Nam là không quá lớn, trong khi vẫn còn lo ngại về kỳ bầu cử Mỹ chưa kết thúc, và việc các NHTW có thể hạn chế các chính sách kích thích kinh tế nhờ vaccine. Thông tin mùa giải F1 2021 sẽ không tổ chức ở Việt Nam khiến nhóm cổ phiếu Vingroup giao dịch tiêu cực ở VIC (-0.5%), VHM (-0.8%). Nhóm cổ phiếu hàng không như VJC (+7%), ACV (+4.6%) đồng loạt tăng giá trước kỳ vọng vaccine sẽ giúp các đường bay thương mại quốc tế sớm khôi phục trở lại, bên cạnh HVN (+5.8%) tăng mạnh còn nhờ thông tin SCIC sẽ thay mặt Chính phủ đầu tư 6,800 tỷ đồng thông qua việc mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu. Phiên tăng mạnh của giá dầu thế giới ngày hôm qua giúp cổ phiếu dầu khí khởi sắc ở PVD (+2.6%), PVS (+4.4%). Tin từ Nikkei Asia cho biết Apple sẽ chuyển thêm năng lực sản xuất sang Ấn Độ và Việt Nam giúp cổ phiếu khu công nghiệp tăng giá ở LHG (+2.6%), SNZ (+1.8%). Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có phiên bán ròng ở HPG (-0.6%), MSN (-0.2%), VNM (-1.2%).

VNIndex & HNXIndex



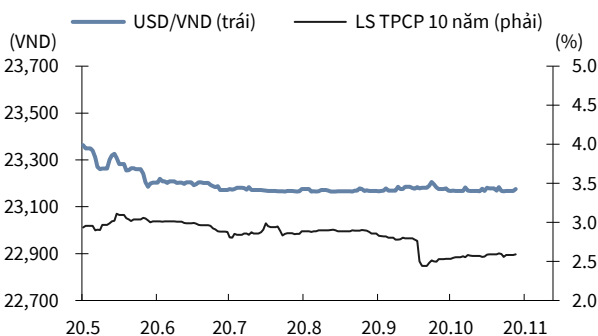
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



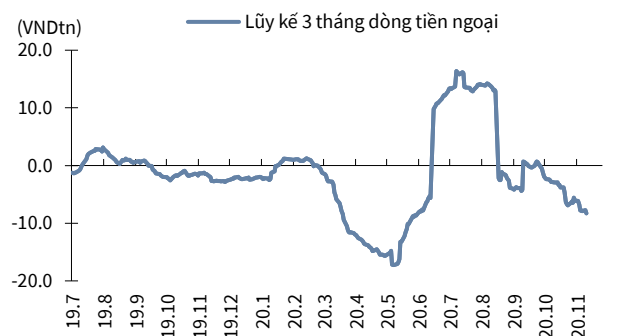
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



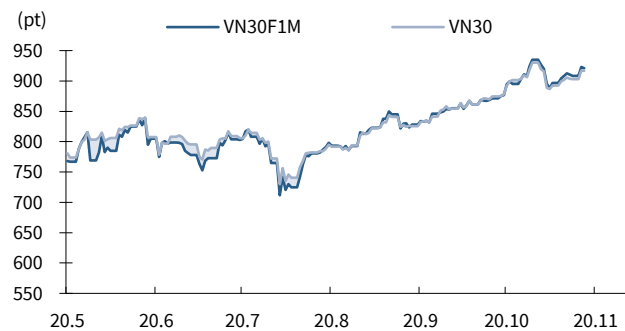
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	916.50 (-0.10%)
VN30F1M	921.0 (-0.22%)
Mở cửa	934.5
Cao nhất	935.4
Thấp nhất	921.0
KLGD (HĐ)	130,890 (+32.3%)

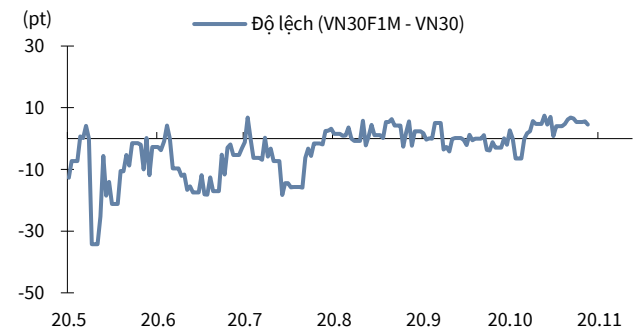
HĐTL giảm nhẹ khi NĐT chốt lời mạnh mẽ vào cuối phiên bất chấp diễn biến tích cực của TTCK toàn cầu. Chênh lệch F2011 và VN30 mở cửa ở mức cao 16.58 do ảnh hưởng từ diễn biến TTCK Mỹ nhưng đã thu hẹp và giao động trong biên độ 2.3 và 7.9 trước khi đóng cửa ở mức thấp nhất trong ngày 1.33 khi NĐT gia tăng chốt lời vị thế LONG. NĐTNN bán ròng nhẹ trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường được cải thiện.

HĐTL VN30F1M & VN30



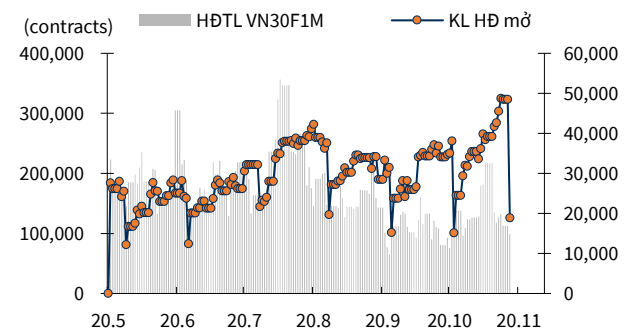
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



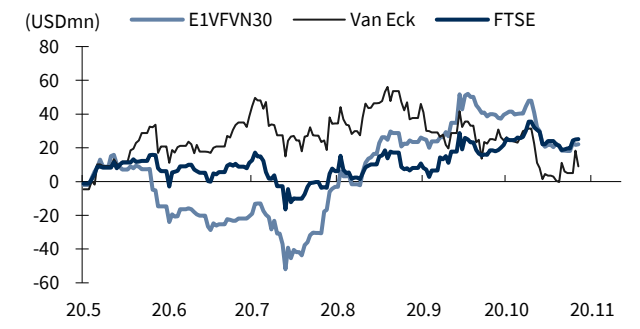
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

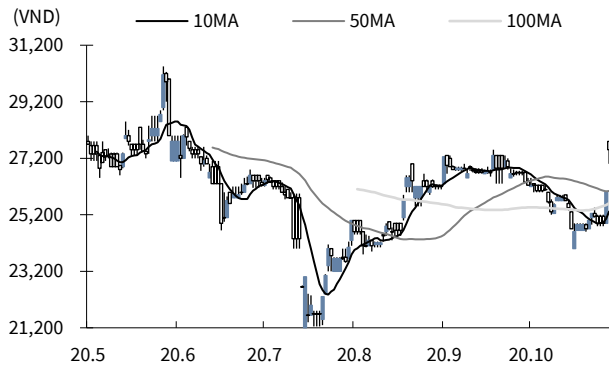
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

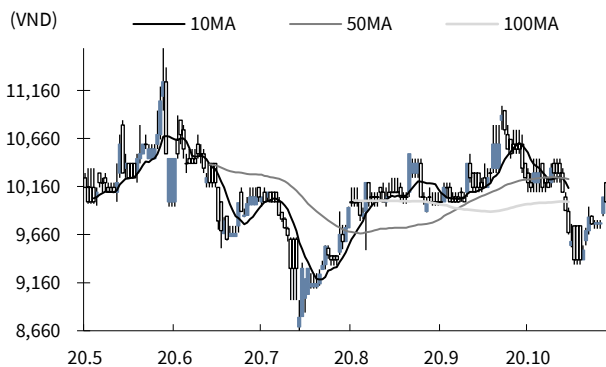
Vietnam Airlines (HVN)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HVN tăng 5.8% lên 27,500 VNĐ/cp.
- Theo Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, SCIC dự kiến đầu tư 6,800 tỷ đồng vào HVN thông qua tham gia mua cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu từ nguồn tiền có sẵn.
- HVN cần nhu cầu vốn 12,000 tỷ đồng, trong đó phương án đề xuất vay tái cấp vốn từ ngân hàng 4,000 tỷ và 8,000 tỷ đồng sẽ thu hút cổ đông hiện hữu thông qua phát hành. Như vậy, nếu được Chính phủ thông qua và giải sử phát hành theo mệnh giá, SCIC sẽ thay mặt Nhà nước đầu tư vào HVN tương đương 85% số tiền còn lại.

PVPower (POW)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POW giảm -0.5% xuống 10,000 VNĐ/cp.
- Theo thông cáo nhà đầu tư của POW, doanh thu 10 tháng đầu năm 2020 của POW ước đạt 23,641 tỉ đồng (-16% YoY), sản lượng điện sản xuất của POW đạt 16.1 tỉ kWh, thực hiện 75% kế hoạch năm. POW dự kiến quý 4 lợi nhuận trước thuế đạt 768 tỉ đồng, doanh thu 7,361 tỉ đồng và sản lượng điện đạt 4,526 tỉ kWh. Đối với dự án NMD Nhơn Trạch 3&4, Ban quản lí dự án đang tiến hành lựa chọn nhà thầu tư vấn lập phạm vi công việc, lập hồ sơ mời thầu EPC và chuẩn bị hạ tầng phục vụ thi công dự án; đồng thời tiếp tục thực hiện công tác thu xếp vốn, đàm phán hợp đồng mua bán khí và hợp đồng mua bán điện.

Thị trường trái phiếu tháng 10

Nguồn cung sụt giảm trên thị trường TPCP sơ cấp

Trạng thái thanh khoản dư thừa tiếp tục ảnh hưởng tới hoạt động của thị trường tiền tệ trong tháng 10:

- Lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức thấp và các hoạt động thị trường mở kém sôi động.
- Giá trị giao dịch trên thị trường sơ cấp giảm nhẹ khi nguồn cung sụt giảm, chủ yếu đến từ kỳ hạn 10 năm. Lợi suất TPCP trúng thầu giảm mạnh trong bối cảnh NHNN hạ lãi suất điều hành lần thứ 3 trong năm. Giao dịch trên thị trường thứ cấp duy trì tương đối tốt với lợi suất TPCP các kỳ hạn giảm.

KBSV dự báo mặt bằng lãi suất liên ngân hàng và lợi suất TPCP sẽ tăng nhẹ trong tháng 11 do kỳ vọng hồi phục ở tín dụng giúp thanh khoản trong hệ thống bớt dôi dào.

Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp giảm mạnh trong tháng 10

- Nghị định 81/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 163/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ 1/9/2020 tạo khuôn khổ pháp lý chặt chẽ hơn với hoạt động phát hành trái phiếu riêng lẻ làm cho tổng giá trị phát hành trong tháng 10 giảm 39% so với tháng 9 và 90% so với tháng 8.
- Nhóm ngân hàng và bất động sản là những tổ chức phát hành lớn nhất thị trường trong đó kỳ hạn phát hành bình quân trong tháng 10 đạt 4.75 năm.

Thị trường ngoại hối cũng có diễn biến ổn định trong tháng 10. Rủi ro lớn nhất đối với VND trong thời gian tới là bị Mỹ đánh giá thao túng tiền tệ.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

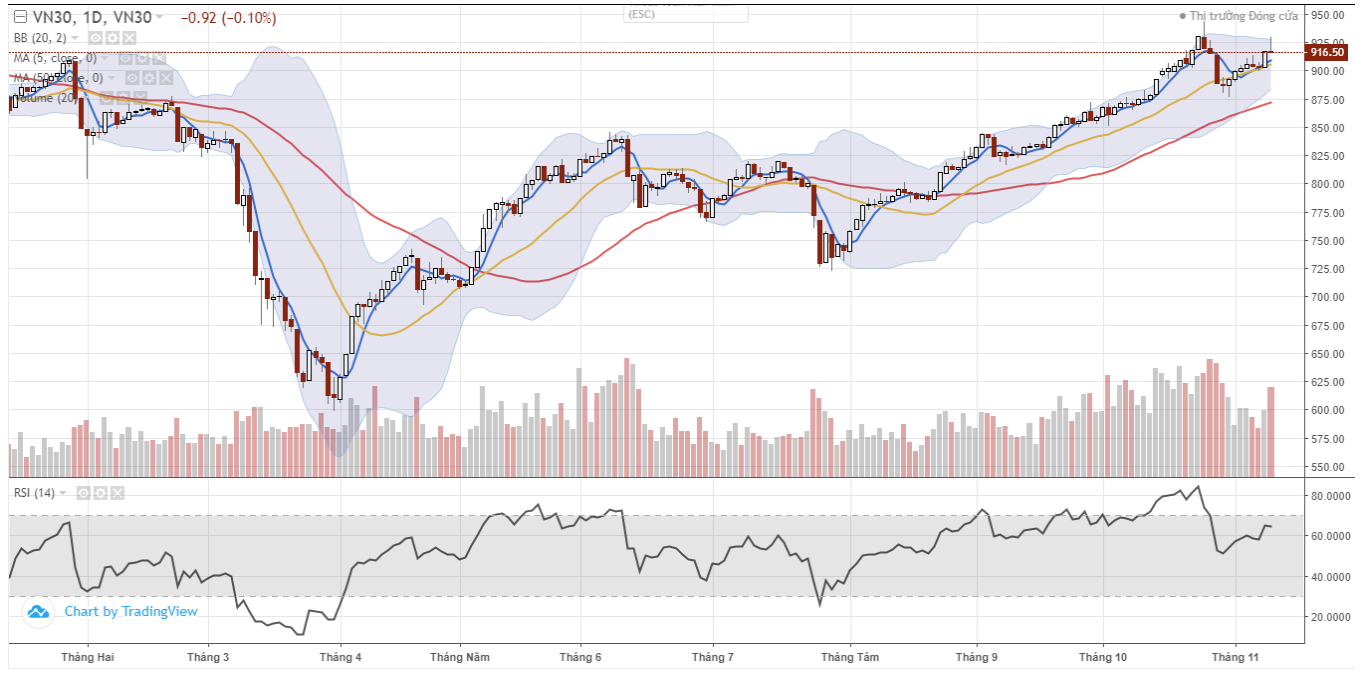
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap tăng đầu phiên nhưng suy yếu dần trong phiên trước khi gặp áp lực bán mạnh vào cuối phiên, đánh mất toàn bộ điểm đạt được.
- Như vậy, điều kiện phải duy trì đà tăng trong phiên sáng đã không được thỏa mãn để xác lập lại xu hướng tăng cho chỉ số. Sự xuất hiện của mẫu nến tiêu cực "meeting lines" báo hiệu rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ gần quanh 940 trước khi có cơ hội hồi phục trở lại.
- NĐT được khuyến nghị áp dụng chiến lược mua trading T+ khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ gần đã đề cập.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 928 - 930

Kháng cự gần: 825 - 926

Hỗ trợ gần: 818 - 920

Hỗ trợ xa: 911 - 914

- F1 mở gap tăng mạnh đầu phiên nhưng sớm điều chỉnh ngay sau đó, trước khi gặp áp lực bán mạnh vào cuối phiên.
- Diễn biến tiêu cực cuối phiên và sự xuất hiện của mẫu nến "meeting lines" khiến F1 đối mặt với rủi ro điều chỉnh xuống các vùng hỗ trợ, gần là quanh 919 và sâu là 912.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: giao dịch linh hoạt cả 2 chiều, ưu tiên mở vị thế LONG tại các vùng hỗ trợ và SHORT tại các vùng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: có thể mở một phần vị thế LONG nếu F1 lùi về vùng hỗ trợ sâu.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

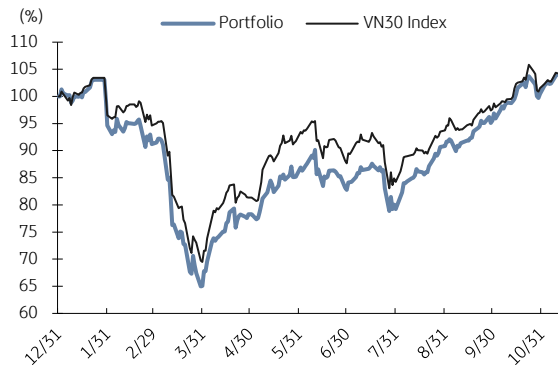
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.10%	0.30%
Tăng lũy kế (YTD)	4.26%	4.07%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 10/11/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	106,000	0.3%	-8.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	27,300	0.2%	1.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	73,000	-1.4%	-4.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	18,100	-0.8%	-8.2%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	42,300	0.6%	24.4%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	53,000	-0.7%	37.7%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	30,600	-1.1%	25.4%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	113,400	7.0%	-12.2%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	31,300	-0.6%	33.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	14,350	-0.3%	4.7%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VRE	2.3%	29.8%	124.5
VJC	7.0%	17.4%	23.3
BVH	1.1%	28.4%	18.1
DGW	3.3%	28.2%	7.9
PVD	2.6%	9.1%	7.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-0.6%	33.6%	-187.2
MSN	-0.2%	34.4%	-132.7
VNM	-1.2%	58.0%	-122.0
CTG	-1.1%	29.4%	-106.3
MBB	-0.8%	26.4%	-57.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
KSD	7.9%	0.7%	11.5
PVS	4.4%	10.1%	7.3
VCS	0.3%	2.9%	0.9
EID	2.4%	22.3%	0.2
SHB	0.0%	6.5%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	-1.5%	9.3%	-3.2
SHS	2.3%	8.2%	-1.4
VCG	-1.9%	0.2%	-0.6
HCT	4.2%	26.1%	-0.3
PMC	-2.8%	17.8%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	7.9%	VJC, HVN
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.6%	PNJ, GIL
Dịch vụ tài chính	3.4%	VCI, VND
Xây dựng và Vật Liệu	2.7%	CTD, HT1
Hóa chất	2.6%	GVR, DGC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	0.3%	MWG, PSH
Ngân hàng	0.4%	VPB, MBB
Công nghệ thông tin	0.6%	ELC, ITD
Ô tô và phụ tùng	0.9%	HHS, CSM
Truyền thông	1.5%	PNC, YEG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng cá nhân & Gia dụng	11.4%	PNJ, GIL
Tài nguyên Cơ bản	10.4%	HPG, HSG
Hóa chất	9.6%	GVR, DCM
Du lịch và Giải trí	5.9%	VJC, HVN
Bất động sản	4.4%	VIC, PDR

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	-4.2%	TCH, HHS
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.1%	GAS, POW
Dầu khí	-0.9%	PLX, PVD
Ngân hàng	-0.5%	BID, VCB
Xây dựng và Vật Liệu	0.2%	CII, CTI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDm)	GTGD (VNĐ triệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	105,600	357,185 (15,412)	77,107 (3.3)	22.9	57.4	42.4	19.5	6.7	8.7	4.1	3.7	-0.5	1.1	12.8	-8.2
	VHM	VINHOMES JSC	77,400	254,608 (10,986)	198,119 (8.5)	27.1	9.6	8.2	35.1	38.2	31.8	3.0	2.2	-0.8	2.1	0.5	-8.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	26,700	60,671 (2,618)	138,873 (6.0)	19.2	25.6	19.0	-2.7	8.3	11.5	2.1	2.0	2.3	4.5	-3.4	-21.5
	NVL	NO VA LAND INVES	62,000	61,105 (2,637)	86,804 (3.7)	32.8	16.5	17.2	1.6	15.3	12.7	2.4	-	0.8	-0.2	-1.0	4.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,450	13,663 (590)	25,114 (1.1)	8.9	12.5	10.4	14.9	14.1	15.6	1.6	1.4	-1.6	0.4	0.8	-4.6
	DXG	DAT XANH GROUP	12,750	6,608 (285)	72,570 (3.1)	12.9	14.7	6.1	-43.3	3.6	14.5	0.9	0.7	-1.2	8.1	13.8	-12.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	85,100	315,625 (13,619)	80,306 (3.5)	6.4	19.5	16.4	10.1	19.1	18.8	3.2	2.7	-0.5	0.1	0.4	-5.7
	BID	BANK FOR INVESTM	39,400	158,468 (6,838)	94,057 (4.1)	12.7	25.0	17.5	-4.1	9.1	11.5	1.9	1.8	0.4	0.0	-2.4	-14.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	22,100	77,353 (3,338)	585,565 (25.3)	0.0	7.4	6.4	5.0	15.7	15.5	1.1	0.9	0.2	0.5	3.5	-6.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	30,600	113,936 (4,916)	274,601 (11.8)	0.6	14.1	11.5	24.0	11.2	12.6	1.4	1.2	-1.1	1.3	10.7	46.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	23,750	57,897 (2,498)	175,997 (7.6)	0.3	7.0	6.1	5.2	17.9	16.8	1.1	1.0	-0.4	-0.8	1.5	18.8
	MBB	MILITARY COMMERC	18,100	50,194 (2,166)	117,480 (5.1)	0.0	6.6	5.7	9.4	18.1	17.6	1.1	0.9	-0.8	-0.8	3.1	0.1
	HDB	HDBANK	25,500	32,020 (1,382)	51,036 (2.2)	1.9	7.3	6.3	24.9	19.3	18.6	1.2	1.0	0.2	4.7	4.1	20.3
	STB	SACOMBANK	13,600	24,530 (1,058)	213,786 (9.2)	14.5	15.1	11.6	7.4	8.8	8.4	0.9	0.8	-0.7	0.0	0.4	35.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	24,000	19,598 (846)	56,067 (2.4)	0.0	6.5	5.3	29.4	22.4	20.3	1.2	1.0	-2.0	3.0	-3.6	14.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,300	21,269 (918)	5,711 (0.2)	0.0	27.1	29.5	9.1	5.5	4.7	1.3	1.2	0.0	0.0	0.9	-2.8
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	53,500	39,714 (1,714)	67,507 (2.9)	20.6	32.6	27.5	2.5	6.3	7.7	2.0	1.9	1.1	2.9	7.4	-22.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	27,050	2,471 (107)	5,375 (0.2)	14.5	-	-	-	8.2	9.1	1.1	1.0	0.2	0.9	-6.6	9.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	17,700	10,637 (459)	85,058 (3.7)	50.2	12.0	11.0	-15.9	9.2	9.7	-	-	1.1	2.0	-1.7	13.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	40,500	6,707 (289)	44,350 (1.9)	73.2	-	-	-	-	-	-	-	4.9	6.4	19.1	37.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,750	6,940 (299)	58,712 (2.5)	51.2	-	-	-	-	-	-	-	2.2	4.6	0.9	6.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,150	3,576 (154)	21,205 (0.9)	16.1	-	-	-	-	-	-	-	6.9	11.7	7.5	19.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	107,500	224,637 (9,693)	182,408 (7.9)	42.0	21.7	19.8	6.9	37.4	37.8	7.7	7.0	-1.2	-0.2	0.7	10.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	182,000	116,713 (5,036)	20,529 (0.9)	36.9	27.4	23.2	1.8	22.3	25.0	5.7	5.0	-0.9	-1.9	-5.7	-20.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,400	112,065 (4,836)	330,362 (14.3)	14.6	128.7	48.6	-59.6	2.3	5.9	3.5	3.4	-0.2	13.6	40.1	68.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,150	12,360 (533)	18,493 (0.8)	48.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.4	2.3	-7.9	-19.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	113,400	59,403 (2,563)	54,730 (2.4)	12.6	-	18.9	-91.0	0.0	20.3	4.1	3.6	7.0	7.5	8.6	-22.4
	GMD	GEMADEPT CORP	24,950	7,408 (320)	13,908 (0.6)	0.0	18.8	16.2	-53.6	6.6	7.4	1.2	1.2	0.2	7.8	3.1	7.1
	CII	HO CHI MINH CITY	16,650	3,977 (172)	27,147 (1.2)	38.4	8.4	7.8	142.2	9.6	9.4	0.8	0.7	-0.3	-0.9	-12.4	-26.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,250	1,277 (055)	13,785 (0.6)	47.4	-	-	-	-	-	-	-	0.0	0.9	-1.7	-87.0
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,650	9,235 (398)	173,547 (7.5)	36.0	24.1	10.3	-20.9	10.5	13.6	-	-	-1.5	2.3	-13.8	1.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	61,000	4,654 (201)	63,237 (2.7)	2.7	7.4	8.0	-33.0	7.6	7.0	0.5	0.5	4.8	9.1	-0.7	18.9
	REE	REE	42,300	13,115 (566)	17,200 (0.7)	0.0	8.5	7.4	-8.7	13.8	15.2	1.2	1.0	0.6	0.2	0.7	16.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	72,200	138,187 (5,963)	66,393 (2.9)	46.0	17.2	14.9	-14.2	17.0	18.0	2.7	2.6	1.1	2.8	-2.8	-22.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,100	6,650 (287)	3,561 (0.2)	29.6	10.1	9.6	-6.3	15.9	17.1	1.6	1.5	1.5	2.7	-2.1	6.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	22,300	7,150 (309)	3,466 (0.1)	33.4	8.2	7.5	-11.7	15.2	15.8	1.2	1.1	-1.1	-1.5	-7.1	-17.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	31,300	103,706 (4,475)	526,478 (22.7)	15.4	9.5	7.7	12.9	20.9	20.9	1.9	1.6	-0.6	2.0	9.8	59.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,450	6,829 (295)	40,270 (1.7)	36.9	10.2	11.4	6.3	9.4	8.3	0.8	0.8	-1.7	2.6	0.3	34.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,650	6,697 (289)	42,303 (1.8)	45.2	15.5	18.9	-14.4	7.6	6.2	-	-	-3.1	0.4	4.5	94.6
	HSG	HOA SEN GROUP	17,200	7,642 (330)	188,478 (8.1)	38.9	9.3	8.4	71.2	13.3	12.2	-	-	-2.5	4.2	9.6	131.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	11,200	2,484 (107)	13,674 (0.6)	97.7	6.0	6.8	39.3	13.3	10.5	0.6	0.5	-0.4	1.8	-4.0	-7.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	48,850	59,539 (2,569)	16,451 (0.7)	4.0	49.7	16.8	-41.4	5.4	15.3	2.4	2.1	0.7	1.1	-1.8	-12.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	11,650	4,906 (212)	50,118 (2.2)	39.9	44.7	37.9	-14.7	0.9	1.2	0.4	0.4	2.6	6.9	-3.7	-22.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	14,200	3,996 (172)	29,663 (1.3)	31.7	8.5	7.7	-12.5	10.2	10.3	0.7	0.7	0.7	6.0	1.8	-15.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	106,000	47,976 (2,070)	93,025 (4.0)	0.0	12.8	9.4	11.2	26.9	28.9	3.1	2.5	0.3	-1.1	-2.8	-7.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	73,000	16,434 (709)	82,485 (3.6)	0.1	18.2	15.0	0.2	20.8	23.3	3.4	3.0	-1.4	2.8	15.5	-15.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	45,400	1,420 (061)	1,722 (0.1)	69.6	19.1	13.9	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.2	-0.2	2.0	-4.6	22.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	22,400	1,769 (076)	9,219 (0.4)	13.5	15.0	10.6	-48.5	6.8	12.1	1.2	1.1	-0.9	1.8	-8.4	6.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	60,800	8,238 (355)	55,190 (2.4)	37.0	8.4	7.8	24.4	35.7	31.2	2.7	2.4	5.2	6.5	5.2	59.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	102,900	13,454 (581)	478 (0.0)	45.2	19.1	17.7	11.9	21.6	20.5	3.7	3.4	-1.1	-1.1	-1.8	12.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	75,000	5,626 (243)	458 (0.0)	29.9	16.0	-	7.3	16.4	-	2.6	-	4.2	7.0	7.0	38.1
IT	FPT	FPT CORP	53,000	41,547 (1,793)	121,887 (5.3)	0.0	12.1	10.5	19.1	22.7	23.5	2.4	2.2	-0.7	0.4	4.3	4.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh
anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu
hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.